VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2019/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2019
ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 809 + 810)

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
488	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
489	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	sâu xanh da láng/đậu tương; rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông Việt
490	Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg, (100g/kg), (500g/l), (500g/kg) + Permethrin	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	**6GR:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/cà phê	Công ty TNHH ADC

	10g/kg, (20g/kg), (100g/l), (100g/kg)		**12GR:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/cà phê, mối/cà phê **600WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **600EC:** sâu cuốn lá,sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	
491	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Big one 650WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
492	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu, rầy nâu nhỏ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
493	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
494	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Pymphos 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
495	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l)	Schesyntop 500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC	**500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC:** rầy nâu/lúa **666EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
496	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
497	Chlorpyrifos ethyl 375g/l + Sulfoxaflor 37.5g/l	Laser 412.5 SE	sâu đục thân/lúa	Dow AgroSciences B.V
498	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Thiamethoxam 150g/l	Dago 400SE	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
499	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

500	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3GR, 7.5EC, 40EC	**3GR:** sâu đục thân/ngô **7.5EC:** sâu cuốn lá/ngô **40EC:** sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago - Super 3GR, 20EC	**3GR:** sâu đục thân/lúa, ve sầu/cà phê, sâu đục bắp/ngô; bọ hà/khoai lang, sâu đục thân/mía **20EC:** rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu tương; rệp, rệp sáp, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50EC	bọ xít/lúa; rệp sáp/cam; sâu đục ngọn/xoài; sâu đục gân lá/nhãn; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/dưa hấu	Map Pacific PTE Ltd
501	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc	Map Pacific Pte Ltd
502	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
503	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
504	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	nhện đỏ/đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
505	Chromafenozide (min 91%)	Hakigold 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Phares 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sojitz Corporation
		Red ruby 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

506	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
507	Clinoptilolite	Map Logic 90WP, 90WG	**90WP:** tuyến trùng/lúa, cam, hành tím, hồ tiêu, thanh long, cà phê, cà chua, su su, chanh leo **90WG:** tuyến trùng/hồ tiêu	Map Pacific Pte Ltd
508	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
509	Clofentezine 14% + Spirodiclofen 10%	Ω-Spilo 24SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
510	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16 SG, 0.5GR, 20SC, 50WG	**16SG:** rầy nâu/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, dòi đục lá/cà chua, rầy xanh/chè, sâu vẽ bùa/cam **0.5GR, 20SC:** rầy nâu/lúa **50WG:** bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/xoài; rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Thunderan 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
511	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
512	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
513	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
514	Cnidiadin	Hetsau 0.4EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; nhện lông nhung/vải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean

515	Cyantraniliprole (min 93%)	Benevia® 100 OD, 200SC	**100OD:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/ớt; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/dưa chuột; **200SC:** dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH FMC Việt Nam
516	Cyantraniliprole 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Minecto® Star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
517	Cyclaniliprole (min 95%)	Teppan 50SL	sâu tơ/bắp cải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
518	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
519	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	sâu cuốn lá/lúa, chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/dưa chuột, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
520	Cyhalodiamide 100g/l + Chlorfenapyr 165g/l	Lorcy 265SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
521	Cyhalodiamide 150g/l + Lufenuron 50g/l	Votes 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
522	Cyhalodiamide 180g/l + Lufenuron 60g/l	Lucy 240SC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
523	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu keo, sâu cuốn lá/lúa **250EC:** bọ xít/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 10EC, 35EC	**10EC:** sâu xanh/đậu tương **35EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam

		Arrivo 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương **10EC, 25EC:** rầy xanh/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Biperin 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** bọ xít/lúa **100EC:** sâu cuốn lá/lúa **250EC:** sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Cymerin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Cymkill 10EC, 25EC	**10EC:** bọ trĩ/lúa, sâu khoang/bông vải **25EC:** sâu khoang/bông vải	Forward International Ltd
		Cyper 25EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Cyperan 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều **10EC:** sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/điều **25EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyperkill 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu khoang/đậu tương; sâu đục thân khoai tây; bọ trĩ, bọ xít/lúa **10EC:** sâu khoang/đậu tương; sâu đục củ/khoai tây; sâu cuốn lá, rầy xanh, bọ trĩ/lúa **25EC:** rầy xanh, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân/khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Cypermap 10EC, 25EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Cypetox 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền

		Cyrux 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu xanh/đậu xanh, rệp/cà phê, sâu khoang/lạc, bọ trĩ, bọ xít/lúa **10EC:** rệp muội/thuốc lá; bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/bông vải **25EC:** sâu xanh/bông vải, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibamerin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC, 25EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/đậu tương **10EC:** sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/điều, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosher 25EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Indicy 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Loxa 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nitrin 10EC	sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		NP-Cyrin super 100EC, 250EC, 200EC, 480EC	**100EC:** sâu keo, sâu cuốn lá lúa **200EC:** bọ trĩ/lúa **250EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/đậu tương **480EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Pankill 5EC, 10EC, 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Power 5EC	bọ xít/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Pycythrin 5EC	sâu phao/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		SecSaigon 5EC, 10EC, 25EC, 50EC	**5EC:** sâu xanh/hoa cúc, sâu cuốn lá/lúa **10EC:** nhện đỏ/bông vải, sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

			25EC: sâu hồng/bông vải, sâu cuốn lá/lúa **50EC:** rệp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	
		Sherbush 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu khoang/lạc, sâu keo/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều **10EC:** bọ xít, sâu keo/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều **25EC:** sâu keo/lúa, bọ xít/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Sherpa 25EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Shertox 5EW, 5EC, 10EW, 10EC, 25EC	**5EW:** sâu phao/lúa, rệp vảy/cà phê **5EC:** sâu keo, bọ xít/lúa; rệp vảy/cà phê **10EW:** rệp sáp/cà phê, sâu phao/lúa, sâu ăn lá/đậu tương, sâu khoang/lạc **10EC:** bọ xít/lúa **25EC:** sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 5EC, 10EC, 25EC	**5EC, 25EC:** sâu khoang/lạc **10EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 50EC, 100EC, 150EC, 200EC, 250EC	**50EC:** sâu đục thân, bọ trĩ/lúa **100EC:** bọ trĩ/lúa **150EC, 200EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Tiper 10EC, 25EC	**10EC:** sâu keo/lúa **25EC:** sâu đục thân/lúa, bọ xít/điều, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tornado 10EC, 25EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa **25EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

		Tungrin 5EC, 10EC, 25EC	**5EC:** sâu keo/lúa; rệp sáp, kiến/cà phê **10EC:** bọ xít, sâu phao, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương **25EC:** sâu phao, sâu keo/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/thuốc lá; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 10EW, 25EC, 25EW, 50EC	**10EW:** sâu cuốn lá, sâu phao/lúa, sâu xanh/thuốc lá **25 EW:** sâu xanh/thuốc lá; sâu phao/lúa **25EC:** sâu cuốn lá, sâu keo/lúa **50EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 50EC, 100EC, 250EC, 500EC	**50EC, 500EC:** sâu khoang/lạc **100EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu khoang/lạc **250EC:** sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
524	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 400g/l	Nugor super 450EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
525	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
526	Cypermethrin 3.0% + Dimethoate 27.0%	Nitox 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp/cà phê; sâu ăn lá/đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
527	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
528	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
529	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; rệp, bọ trĩ/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành

530	Cypermethrin 2% (20g/l) + Dimethoate 10% (200g/l) + Fenvalerate 3% (30g/l)	Antricis 15EC, 250EC	**15EC:** bọ xít, sâu cuốn lá nhỏ/lúa **250EC:** sâu đục quả/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
531	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15EC	rệp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thành Phương
532	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
533	Cypermethrin 2.0 % + Isoprocarb 6.0 %	Metox 809 8EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
534	Cyromazin 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
535	Cypermethrin 30g/l + Phosalone 175g/l	Sherzol 205EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/lạc; rầy, sâu xanh/bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
536	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
537	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
538	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23EC	sâu xanh/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
539	Cypermethrin 5% + Quinalphos 20%	Tungrell 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/thuốc lá; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
540	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	dòi đục lá/đậu tương, sâu vẽ bùa/hoa cúc, dòi đục lá/tỏi	Công ty CP Nicotex
		Chip 100 SL	sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Newsgard 75 WP	sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Roninda 100SL	dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Trigard® 100 SL	dòi đục lá/dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
541	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1 SL	sâu tơ/bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
542	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC - Mite 70SL	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/hoa hồng, bưởi; rệp/khoai tây; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
543	Deltamethrin (min 98 %)	Appendelta 2.8EC	sâu phao/lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, rệp/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

		Meta 2.5EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu xanh; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/đậu xanh, bọ xít/lúa **2.5SC:** sâu xanh da láng/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5EC	sâu phao, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
544	Deltamethrin 25g/l (90g/l), (90g/l), (90g/l), (110g/l), (50g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120g/l), (130g/l), (170g/l), (190g/l), (727g/kg), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 220SC, 260SC, 300EC, 777WG, 800WG	**75SC, 300EC, 777WG, 800WG:** sâu cuốn lá/lúa **210EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **220SC:** sâu đục quả/đậu tượng, sâu cuốn lá/lúa **260SC:** sâu xanh/thuốc lá	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
545	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sân năn/lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
546	Deltamethrin 50g/l + Piperonil Butoxide 250g/l (min 90%)	Chín sâu 300EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
547	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
548	Diafenthiuron (min 97%)	Apensus 500SC	nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Define 500SC	sâu tơ/bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP	nhện đỏ/cam, chè	Công ty CP Nicotex
		Fier 250SC, 500WP, 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Pegasus® 500 SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/cây cảnh; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Pesieu 300WP, 350SC, 500WP, 500SC	**300WP:** sâu tơ/bắp cải **350SC:** nhện đỏ/cam, sâu xanh da láng/lạc, sâu tơ/bắp cải **500WP:** sâu tơ/bắp cải **500SC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/rau cải; bọ nhảy/cải thảo; bọ trĩ/cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/cà tím; sâu baba, sâu khoang/rau muống; sâu đục quả/đậu đũa, cà tím, đậu côve, ớt; sâu khoang/rau dền; sâu tơ/súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/hành; sâu tơ/cải thảo; sâu đục quả/cà pháo; sâu khoang/mồng tơi; bọ nhảy/su hào	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	nhện đỏ/nho	Công ty CP SAM

549	Diafenthiuron 500g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Vangiakhen 550SC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
550	Diafenthiuron 200g/kg + Propagite 350g/kg	Supermite 550WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
551	Diflubenzuron (min 97%) 200g/kg (430g/kg) + Nitenpyram 500g/kg (350g/kg)	Goodcheck 700WP, 780WP	**700WP:** rầy nâu/lúa **780WP:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
552	Diflubenzuron 100g/kg (100g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (357g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (250g/kg)	Sieucheck 700WP, 707WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
553	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
554	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-gep 625WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
555	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40EC	bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; bọ trĩ/bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40EC	bọ xít hôi/lúa, sâu đục quả/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; rệp/đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	rệp/mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC, 50EC	bọ xít/lúa	Công ty CP BVTV I TW

		By 90 40EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
		Dibathoate 40EC, 50EC	rầy/lúa, nhện/cà phê, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	bọ xít/lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	sâu ăn lá/hoa hồng	ZagroGRoup, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC, 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	**10GR:** rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/lạc; sâu đục thân/điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44EC	rầy/ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC, 50EC	**40EC:** rệp sáp/cà phê, bọ xít/lúa **50EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vidithoate 40EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Watox 400EC	bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng

556	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
557	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB - Tigi 5GR	rầy nâu/lúa, dế dũi/ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5GR	bọ trĩ/lúa, sâu đục thân/mía, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5GR	sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
558	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
559	Dimethoate 400g/l + Fenobucarb 100g/l	Bisector 500EC	rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
560	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
561	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	rệp/đậu tương, bọ xít/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP TST Cần Thơ
562	Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l) (60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)	Empryse 450EC, 568EC, 668EC	**450EC, 668EC:** sâu cuốn lá/lúa **568EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
563	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
564	Dimethoate 286g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp muội/mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

565	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
566	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Chat 20WP	rầy nâu/lúa, bọ nhảy/bắp cải, rầy bông/xoài, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, dòi đục lá/dưa chuột	Công ty TNHH Phú Nông
		Cheer 20WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	rầy nâu/lúa, rệp muội/dưa chuột, rầy xanh/chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP, 250WP, 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR** rầy xanh/đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/lúa, rầy/xoài, dòi đục lá/dưa chuột, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu, rệp sáp/cà phê **20SG:** bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp **100SL:** rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/hoa hồng; rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Overcin 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Raves 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

567	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
568	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
569	Dinotefuran 250g/kg (10g/l), (10g/kg) + Fipronil 50g/kg, (175g/l), (400g/kg) + Imidacloprid 150g/kg, (370g/l), (400g/kg)	Vdcnato 450WG, 555FS, 810WG	**450WG:** rầy nâu/lúa **555FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **810WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
570	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	Acdinosin 50WP, 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
571	Dinotefuran 200g/kg + Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 250g/kg	Rammax 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
572	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l), (200g/kg), (20g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l), (100g/kg), (350g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC, 300WP, 370SC	**111WP, 160WG, 260SC, 370SC:** rầy lưng trắng/lúa **300WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
573	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
574	Dinotefuran 150g.kg (200g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (50g/kg), (100g/kg)	Anocis 200WP, 250WP, 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

575	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
576	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
577	Dinotefuran 180g/kg + Imidacloprid 120g/kg	Toshinusa 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
578	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
579	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
580	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
581	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
582	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
583	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
584	Dinotefuran 166g/kg, (25g/kg), (90g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (530g/kg), (610g/kg)	Chetsduc 666WG, 555WG, 700WG	**666WG, 555WG:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
585	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

586	Dinotefuran 200g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
587	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
588	Dinotefuran 200g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
589	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	Acplant 1.9EC, 4WG, 4 TB, 6EC, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam **4WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/đậu tương, bọ xít muỗi/chè **4TB:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương **6EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **20WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu đục quả/nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC, 5WG	**3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; rệp sáp/cà phê, điều, vải; sâu xanh/bắp cải **5WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/bắp cải; sâu đục quả/đậu	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

			tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/điều **5ME:** sâu vẽ bùa/cây có múi, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	
		Ansuco 5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 120WG, 160WG, 200WG, 42EC, 82EC, 260WG	**5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 160WG, 200WG, 42EC, 82EC, 260WG:** sâu cuốn lá/lúa **120WG:** sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Apache 4EC, 6EC, 10WG	**4EC, 6EC:** sâu cuốn lá/lúa **10WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Bafurit 5WG	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/nho, bông vải; bọ xít/vải; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Nông Sinh
		Bemab 3.6EC, 3.8EC, 20EC, 40WG, 52WG	**3.6EC:** bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá **3.8EC:** bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **20EC, 40WG, 52WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Binged 36WG, 50WG	**36WG:** sâu xanh da láng/bắp cải **50WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Billaden 50EC, 50WG	nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân

		Boema 19EC, 50EC, 50WG	**19EC:** sâu tơ/bắp cải **50EC:** sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
		Browco 50WG, 150WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
		Calisuper 4.5ME, 5.5WP, 26WG, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG	**4.5ME, 5.5WP, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa **26WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 5.0WG, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Comda gold 5WG	dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ rĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Compatt 55.5WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC:** sâu cuốn lá/lúa **51WG:** sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 1.9EC, 3.8EC	**1.9EC:** nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/cam **3.8EC:** sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100EC, 100WG, 150WG	**22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100WG :** sâu cuốn lá/lúa **100EC, 150WG:** nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

		Dollar 50WG, 90EC, 90WG	**90WG:** sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh/đậu tương **50WG, 90EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 30EC, 40EC	**30EC:** sâu xanh da láng/lạc, sâu tơ /bắp cải **40EC:** nhện gié/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu ăn bông/xoài, nhện đỏ/chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 5WG, 10EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/nhãn, vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa **5WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc **10EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/đậu xanh **10WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	**5EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng/bông vải; bọ trĩ/điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			10EC, 20EC, 36WG, 50WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	
		Ebama 5.5WG, 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Ebenzoate 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 20EC, 25EC, 40EC, 50WG, 100EC, 100WG	**20EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải **40EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam **50WG, 25EC, 100EC, 100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Emaaici 50WG, 120WG	**50WG:** rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải **120WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 0.2EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**0.2EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; rệp/rau cải; rầy xanh, bọ trĩ/chè; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/bắp cải; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam, quýt **2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông HBR
		Emagold 6.5EC, 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG	**6.5EC:** sâu khoang/lạc **6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Emaplant 1.9EC, 3.8EC, 5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải **3.8EC:** nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 1.9EC, 60EC	**1.9EC:** sâu xanh đục quả/cà chua, sâu cuốn lá/lúa **60EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Emathai 4EC, 10EC, 10WG	**4EC:** nhện đỏ/cam, bọ trĩ/xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu **10EC:** nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh/đậu tương; bọ trĩ/xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa **10WG:** bọ trĩ/dưa hấu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Emathion 25EC, 55EC, 55WG, 65WG, 100WG	**25EC:** sâu tơ/bắp cải **55EC:** bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa **55WG, 65WG:** sâu đục thân/lúa **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Emasun 2.2EC	nhện đỏ/cam; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd.
		Emasuper 1.9EC, 3.8EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng	Công ty TNHH Phú Nông

			cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài **3.8EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié /lúa; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp/đậu tương; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài	
		Ematigi 3.8EC	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** sâu cuốn lá/lúa **100WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Emavua 36EC, 75WG, 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Emaxtin 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC, 55.5WG, 108WG	**0.2EC, 1.0EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **1.9EC:** rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **3.8EC, 5.7EC, 7.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam **55.5WG, 108WG:** nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.55WG, 5.7EC, 7.6EC, 108WG	**0.2EC, 1.0EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt **1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt; sâu xanh/cà chua **5.55WG, 108WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông

		Etimex 2.6EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi/lá/cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; sâu khoang, sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, nhện đỏ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Fastish 116WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải **35.5EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/lúa; nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Foton 5.0 ME	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC, 56WG, 96WG, 135WG, 150WG, 175WG, 195WG, 215WG	**2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **56WG:** sâu cuốn lá/lúa **96WG:** nhện đỏ/chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **135WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa, nhện đỏ/cam **150WG, 175WG, 195WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **215WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Go.good One 5WG	sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh

		Goldemec 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 5.55WG, 108WG	**1.9EC, 3.8EC, 5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam, quýt **5.55WG:** nhện gié/lúa **108WG:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Golnitor 10EC, 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Haeuro 75WG, 125WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Hagucide 40EC, 70WG, 150WG	**40EC, 70WG:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoatox 0.5ME, 2ME	**0.5ME:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải, su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu cuốn lá lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam, quýt **2ME:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 1.9EC, 40EC, 50WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **40EC:** sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
		Jiametin 1.9EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

		July 1.0EC, 1.9EC, 5EC, 5WG	**1.0EC, 1.9EC:** sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu **5EC, 5WG:** sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, rệp/đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu; bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa **5EC:** sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Khủng 80WG, 60WG, 100WG	**80WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **60WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **100WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 1.9EC, 3.8EC	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải **3.8EC:** bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vicowin
		Lion kinh 50WG, 50EC, 100WG	**50WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC:** sâu khoang/lạc **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9EC, 65EC	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/dưa hấu **65EC:** sâu xanh da láng/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Map Winner 5WG, 10WG	**5WG:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ xít muỗi/chè; sâu khoang/cải xanh;	Map Pacific Pte Ltd

			sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp /ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô **10WG:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/lạc; rầy bông/xoài	
		Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mectinone 5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 22EC, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG	**5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa **22EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Mekomectin 1.9EC, 3.8EC, 45.5EC, 50.5EC, 55.5EC, 70WG, 105WG, 125WG, 135WG, 150WG, 170WG	**1.9EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **3.8EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **45.5EC, 50.5EC:** nhện đỏ/cam; sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **55.5EC:** sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/cam **70WG:** sâu đục quả/đậu xanh; rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc **105WG:** sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu đục quả/đậu tương **125WG:** sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải **135WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương **150WG, 170WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông

		Mikmire 2.0EC, 7.9EC, 14.5WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua **7.9EC:** sâu tơ/bắp cải **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Moousa 20EC, 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Nazomi 2.0EC, 5WG	sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, sâu xanh/cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Newmectin 0.2 ME, 0.5ME, 2.0EC, 5WP, 41ME, 53WG, 126WG	**0.2ME:** sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp đào/thuốc lá; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu vẽ bùa/bưởi; rầy xanh/xoài **0.5ME:** rầy xanh/xoài **2.0EC:** rầy nâu/lúa **5WP:** bọ cánh tơ/chè **41ME, 53WG, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 0.2EC, 10EC	**0.2EC:** sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam **10EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		Oman 2EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

		Proclaim® 1.9EC	sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/xoài; sâu đục quả/bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Phesolbenzoate 3.8EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 1.9EC, 5.8EC, 5WG, 6WG, 8WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **5.8EC:** rầy bông/xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **5WG:** rầy nâu/lúa **6WG:** rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG :** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Promectin 1.0EC, 5.0EC, 100WG	**1.0EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ, rệp bông/xoài **5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/nho; rệp bông/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 1.9EC, 55.5EC, 72EC, 6.0WG, 12WG, 20WG, 99.9SC	**1.9EC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **55.5EC, 72EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **6.0WG:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

			12WG, 20WG: sâu cuốn lá/lúa **99.9SC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	
		Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 40EC, 19EC, 65EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 42EC, 50WP, 58EC, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài **42EC:** sâu cuốn lá/lúa **50WP:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/súp lơ; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **58EC:** sâu khoang/lạc **68WG:** sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Roofer 50EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Royal city 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
		Sausto 1EC, 50WG	**1EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh/cà chua **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q

		Silsau super 1EC, 1.9EC, 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC, 5WP	**1EC, 1.9EC, 5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải **2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam **1.9EC, 2.5EC, 3.5EC:** sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 19EC, 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
		Starrimec 5WG, 10EC, 19EC, 40EC, 75EC, 80SC 105SG, 158SG, 198SG,	**5WG:** sâu cuôn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **10EC:** sâu cuôn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **19EC, 40EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài **75EC, 198SG:** sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** nhện đỏ/cam **158SG:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Susupes 1.9EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

		Tamala 1.9EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; rầy bông, rệp sáp/xoài; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Tanwin 2.0EC, 4.0EC, 5.5WG, 200WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **4.0EC:** nhện gié/lúa **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu **200WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 3.6EC, 5EC, 5WG	**1.0EC, 1.9EC:** sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/nhãn; sâu xanh/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/vải; sâu róm/thông; rầy, sâu xanh/hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; rầy/xoài **2WG, 5WG:** sâu róm/thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ xít/vải, nhãn **3EC, 5EC:** bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít/vải, nhãn; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/bắp cải **3.6EC:** bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

			5WG: sâu baba/rau muống; bọ nhảy/cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/bí xanh; rệp muội/đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	
		Tikemectin 2EC, 4EC, 20WG, 6.0EC, 60WG, 80WG	**2EC, 4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài **6.0EC, 60WG, 20WG:** sâu cuốn lá/lúa **80WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Totnhatsuper 100WG, 70EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Đa Quốc Gia
		Tungmectin 1.9EC, 5EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cải xanh; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/lúa; sâu vẽ bùa/cây có múi; nhện đỏ/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; rệp sáp/hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/điều; rầy bông/xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			5EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sau xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp /cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều **5WG:** sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/bưởi **5SG:** bọ cánh cứng/rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zamectin 40EC, 65EC, 83EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
590	Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (55g/kg) + Fipronil 50g/l (400g/kg), (500g/kg)	Nighcid 70SC, 420WG, 555WG	**70SC:** sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **420WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **555WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
591	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20WP	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu năn, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng

592	Emamectin benzoate 56g/kg + Fipronil 30g/kg	Picomec 86WG	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
593	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Andousa 100WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
594	Emamectin benzoate 110g/kg + Fipronil 40g/kg	Nanowinusa 150WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
595	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (300g/kg) + Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
596	Emamectin benzoate 10% + Flufiprole 10%	Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
597	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
598	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
599	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
600	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
601	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
602	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

603	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg), (115g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg), (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP, 235WP	**180SC, 235WP:** sâu cuốn lá/lúa **205WP:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
604	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
605	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
606	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
607	Emamectin benzoate 50g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
608	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
609	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài	Map Pacific Pte Ltd
610	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armcide 50WG	sâu đục bắp/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
611	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; rầy xanh/chè; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
612	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	**100EC:** châu chấu tre/ngô, sâu xanh/hoa cúc **150WG:** sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
613	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta

614	Emamectin benzoate 5g/l (10g/l) + Matrine 5g/l (10g/l)	Kimcis 10EC, 20EC	**10EC:** sâu đục ngọn/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy bông/xoài **20EC:** nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cam, bọ hà khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
615	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
616	Emamectin benzoate 9g/l (19g/l), (49g/kg), (89g/l), (62g/l), (59.9g/kg), (109g/kg), (167g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (1g/l), (0.1g/kg), (1g/kg), (1g/kg)	Mectinstar 10EC, 20EC, 50SG, 60SG, 63EC, 90SC 110SG, 168SG	**10EC, 20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu khoang/lạc; rệp/thuốc lá; rầy xanh/chè; rầy bông/xoài; nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **60SG:** sâu tơ/bắp cải **63EC:** nhện đỏ/cam **90SC:** rầy bông/xoài **110SG, 168SG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
617	Emamectin benzoate 21g/l (41g/l), (56g/l) + Matrine 2g/l(2g/l), (2g/l)	9X-Actione 2.3EC, 4.3EC, 5.8EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
618	Emamectin benzoate 10g/l (19g/l), (20g/kg), (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), 1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 11EC, 20EC, 21WP, 30EC, 61WG	**11EC, 20EC, 21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi, rầy canh/chè **61WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
619	Emamectin benzoate 10g/l (48g/kg), (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/l (2g/kg), (2g/kg), (2g/l)	Rholam Super 12EC, 50SG, 100WG, 27EC	**12EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, bọ xít/vải; nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ/dưa chuột; rầy chổng cánh/cam	Công ty CP nông dược Nhật Việt

			27EC: nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu tơ/cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/nho; sâu khoang/lạc; rầy bông/xoài; sâu đục gân lá/vải **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	
620	Emamectin benzoate 22g/l (42g/l), (60g/l) + Matrine 4g/l (4g/l) (4g/l)	Bạch tượng 26EC, 46EC, 64EC	**26EC, 46EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu lúa **64EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH - TM Nông Phát
621	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/l), (55g/kg), (99g/kg) + Matrine 1g/l, (0.5g/l), (0.5g/kg), (0.9g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5EC, 55.5WG, 99.9WG	**25EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5EC, 99.9WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
622	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
623	Emamectin benzoate 29.5g/l (35.5g/kg), (49g/l), (49g/kg) + Martrine 0.5g/l (0.5g/kg), (1g/l), (1g/kg)	Techtimex 30EC, 36WG, 50EC, 50WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
624	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l), (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l), (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL, 39.6ME	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; rệp sáp/cà phê **39.6ME:** sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	Map Pacific Pte Ltd
625	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/bắp cải; nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Comda 250EC	bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rệp muội/hoa cúc, ớt; rệp sáp/cà phê, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/hành, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
626	Emamectin benzoate 10g/l (5g/l) + Petroleum oil 240g/l (395g/l)	Emamec 250EC, 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
627	Emamectin benzoate 19g/l (25g/l), (30g/l) + Permethrin 80.99g/l (130g/l), (155g/l)	Tiachop 99.99EC, 155EC, 185EC	**99.99EC:** sâu cuốn lá/lúa **155EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh **185EC:** sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
628	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
629	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
630	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
631	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) +200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
632	Esfenvalerate (min 83 %)	Sumi-Alpha 5EC	sâu đục quả/đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
633	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; rầy xanh/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
634	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100 SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
635	Ethiprole 100g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

636	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Slavic 10SC	rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC, 30EC	**10EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu khoang/bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/vải; bọ xít muỗi/điều **30EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rầy mềm/bắp cải; rầy xanh/chè	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
637	Etofenprox 2% + Phenthoate 48%	ViCIDI-M 50EC	bọ xít/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
638	Etoxazole (min 95%)	Borneo 11SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH HC Sumitomo VN
639	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/bí xanh, dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nam Bắc
640	Fenbutatin oxide (min 95%)	Nilmite 550SC	nhện gié/lúa; nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
641	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	sâu đục thân/lúa, rệp/cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Sumithion 50EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/lúa **50EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
642	Fenitrothion 45% + Fenoburcarb 30%	Difetigi 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
643	Fenitrothion 25% (250g/l) + Fenvalerate 5% (50g/l)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
644	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol - S 50EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
645	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	rầy nâu/lúa, rệp/thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50EC	rầy/lúa, rệp sáp/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	rầy nâu, sâu keo/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

		Excel Basa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Forcin 50EC	rầy nâu/lúa, bọ trĩ/bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Nibas 50EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa, rệp vảy/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Triray 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	rầy, rầy nâu/lúa; rệp/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
646	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
647	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
648	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking

649	Fenobucarb 150g/l (5g/kg) + Isoprocarb 150g/l (195g/kg)	Anbas 200WP, 300EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
650	Fenobucarb 150g/l (350g/l) + Isoprocarb 100g/l (150g/l)	Kimbas 250EC, 500EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
651	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
652	Fenobucarb 30% + Phenthoate 45%	Diony 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
653	Fenobucarb 300g/l + Phenthoate 450g/l	Hopsan 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
654	Fenobucar 305g/l + Phenthoate 450g/l	Abasa 755EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
655	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	rầy nâu/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
656	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	rệp/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vimite 10EC	nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
657	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	nhện đỏ/hoa hồng; nhện gié/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
658	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

659	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
660	Fenpropathrin 100g/l (5g/l), (5g/l) + Profenofos 40g/l (55g/l), (300g/l) + Pyridaben 10g/l, (200g/l), (5g/l)	Calicydan 150EW, 260EC, 310EC	**150EW, 260EC:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
661	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
662	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5 SC	nhện đỏ/hoa hồng, bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		May 050SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
663	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa, bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
664	Fenvalerate (min 92%)	Dibatox 10EC, 20EC	**10EC:** sâu keo/lúa, sâu cuốn lá/lạc, rệp sáp/cà phê **20EC:** sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.

		Sutomo 25EC	sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
665	Fipronil (min 95%)	Again 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Airblade 5SC, 800WG	**5SC:** bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Angent 5SC, 800WG	**5SC:** bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Anpyral 800WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/đậu tương, bọ xít muỗi/ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anrogen 0.3GR, 10.8GR, 50SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **10.8GR:** rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê **50SC, 800WG:** sâu đục thân/ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Cagent 3GR, 5SC	**3GR:** sâu đục thân/lúa, mía **5SC:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Centago 800WG, 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Cyroma 5SC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Fidegent 50 SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Finico 800WG	sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Fipent 800WG	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Agro Việt
		Fiprogen 0.3GR, 0.5GR, 5SC, 800WG	**0.3GR, 0.5GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/lúa, sâu xanh/đậu tương **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Fipshot 800WG	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Forgen 800WG	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Hybridsuper 800WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Javigent 800WG	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianil 5 SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô, mía **5SC:** sâu đục thân/ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/bông vải; sâu khoang/thuốc lá **800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục thân/ngô; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/thuốc lá; rệp/bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Lexus 5SC, 800WG, 800WP	**5SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu xanh da láng/lạc **800WP:** sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Lugens 200FS, 800WG	**200FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

		Lupus 50ME	sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Phironin 50 SC, 800WG	**50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ngô, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Phizin 50SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Rambo 5SC, 800WG	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Reagt 5SC, 800WG	**5SC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Regal 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa, sùng/mía, tuyến trùng/hồ tiêu **6GR:** sâu đục thân, tuyến trùng/lúa **50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa **75SC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Cali - Parimex. Inc.

		Regent 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/lúa; sâu đục thân/ngô, mía; ve sầu/cà phê **5SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/lúa **800WG:** sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/điều; rệp sáp/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Regrant 800WG	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rigell 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	**3GR:** sâu cuốn lá/đậu tương; sâu đục thân/ngô; tuyến trùng, sâu đục thân/mía **6GR:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/lúa **50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **75SC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Sagofifro 850WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supergen 5SC, 800WG	**5SC:** xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Suphu 0.3GR, 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa **10GR:** rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/cà phê **5SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa **10EC:** sâu đục thân/ngô, lúa, mía **800WG:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Tango 50SC, 800WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Thenkiu 800WG	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH King Elong
		Tungent 5GR, 5SC,100SC, 800WG	**5GR:** rệp sáp giả/rễ cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô **5SC:** sâu xanh, sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu róm/điều **100SC:** rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều, tuyến trùng/hồ tiêu, sâu đục thân/mía; sâu xanh da láng/lạc, sâu xanh/đậu tương, sâu đục thân/ngô, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/lạc; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tư ếch 800WG	rệp vảy/cà phê, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

666	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
667	Fipronil 160g/l (322g/kg) + Hexaflumuron 100g/l (100g/kg)	Nok 260EC, 422WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
668	Fipronil 30g/l + Imidacloprid 150g/l	Pyzota 180EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
669	Fipronil 400g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Angerent 500WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
670	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
671	Fipronil 2.9g/kg, (3g/kg), (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg)) + Imidacloprid 0.1g/kg, (2g/kg), (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 3GR, 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	**3GR, 5GR, 55SC, 800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **55SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **100WP:** sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
672	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (130g/kg), (30g/kg), (400g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (25g/kg), (250g/kg), (100g/kg), (720g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 155WP, 280WP, 500WG, 750WG	**4GR, 30EC, 60SC, 500WG:** sâu cuốn lá/lúa **155WP:** sâu phao/lúa **280WP, 750WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
673	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l (400g/kg)	Sunato 540FS, 800WG	**540FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** rệp sáp giả/ca cao, cà phê, hồ tiêu; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội, bọ phấn/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
674	Fipronil 100g/l (250g/kg) + Imidacloprid 150g/l (440g/kg) + Lambda-cyhalothrin 80g/l (60g/kg)	Kosau 330SC, 750WP	**330SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **750WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông

675	Fipronil 100g/kg + Imidacloprid 10g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Acdora 360WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
676	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
677	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Blugent 75SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
678	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	sâu cuốn lá nhỏ/lúa, sâu xanh/đậu tương	Map Pacific Pte. Ltd
679	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
680	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
681	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
682	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (400g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
683	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Endophos super 150SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
684	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
685	Fipronil 25g/l (50g/l), (10g/l) + Indoxacarb 25g/l (50g/l), (150g/l)	Adomate 50SC, 100SC, 160SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

686	Fipronil 30g/l (35g/kg), (160g/l), (100g/l), (10g/l), (200g/kg), (606g/kg) + Indoxacarb 50g/l (54.9g/kg), (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/kg), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (10g/kg), (10g/l), (50g/l), (200g/l), (50g/kg), (10g/kg)	Newebay 95EC, 99.9WG, 170EW, 180SC, 220SC, 270WG, 666WG	**95EC, 99.9WG, 180SC, 270WG, 666WG:** sâu cuốn lá/lúa **170EW:** rầy lưng trắng/lúa **220SC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
687	Fipronil 80g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
688	Fipronil 35g/l (50g/l), (90g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l), (25g/l)	Accenta 50EC, 75EC, 115EC	**50EC, 115EC:** sâu đục thân/lúa **75EC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
689	Fipronil 45g/l (500g/kg), (795g/kg) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (200g/kg), (5g/kg)	Goldgent 60EC, 700WG, 800WG	**60EC:** sâu cuốn lá/lúa **700WG, 800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
690	Fipronil 50g/l + 25g/l Lambda-cyhalothrin	Golgal 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
691	Fipronil 120g/kg + Methylamine avermectin 60g/kg	Fu8 18WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
692	Fipronil 0.8g/l (10.4g/l), (0.1g/l), (60g/kg), (5g/kg), (260g/kg) + Nitenpyram 100g/l (390g/l), (449.9g/l), (440g/kg), (550g/kg), (540g/kg)	Newcheck 100.8SL, 400.4SL, 450SL, 500WP, 555WP, 800WP	**100.8SL, 400.4SL, 500WP, 555WP:** rầy nâu/lúa **100.8SL:** nhện gié/lúa **450SL:** nhện gié, rầy nâu/lúa **800WP:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH An Nông

693	Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Vinagold 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
694	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
695	Fipronil 75g/l + Propargite 625g/l	Gatpro-HB 700EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
696	Fipronil 50g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
697	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chesshop 600WG	rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Jette super 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
698	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	M150 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
699	Fipronil 85g/kg, (110g/kg), (680g/kg), (800g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (550g/kg), (120g/kg), (10g/kg)	Chet 585WG, 660WG, 800WG, 810WG	**585WG: 660WG, 800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **810WG:** sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
700	Fipronil 100g/kg (150g/kg) (150g/kg), (150g/kg) + Pymetrozine 500g/kg (500g/kg) (550g/kg), (600g/kg)	Biograp 600WG, 650WG, 700WG, 750WG	**600WG, 750WG:** rầy nâu/lúa **650WG, 700WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
701	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Nam
702	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

703	Fipronil 50.5g/l (100g/kg) + Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	**400.5SC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê **757WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
704	Fipronil 5g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
705	Fipronil 200g/l (100g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (100g/kg)	MAP Silo 40SC, 200WP	**40SC:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **200WP:** bọ trĩ/lúa	Map Pacific Pte Ltd
706	Fipronil 0.3% + 11.7% Thiosultap-sodium	Fretil super 12GR	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
707	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG, 50WG	**10WG:** rầy nâu nhỏ/lúa **50WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Teppeki 50WG	rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
708	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
709	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
710	Flubendiamide (min 95%)	Saikumi 39.35SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
711	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam

712	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	sâu xanh da láng/lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
713	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
714	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
715	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á châu
716	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
717	Fosthiazate (min 93%)	Makeno 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
718	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
719	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; ruồi/lá cải bó xôi; rệp muội/hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/cà chua; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
720	Hexaflumuron (min 95%)	Staras 50EC	sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
721	Hexythiazox (min 94%)	Hoshi 55.5EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Nissorun 5EC	nhện đỏ/chè, hoa hồng, cam; nhện gié/lúa, nhện lông nhung/nhãn, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tomuki 50EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
722	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
723	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
724	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actador 100 WP	rầy nâu/lúa	Cali - Parimex. Inc.
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 200SC, 250WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **200SC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **250WP, 750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Aicmidae 100WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 20WP	**10EC:** rầy nâu/lúa **20WP:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	**100SL, 100WP, 200SC, 700WG:** rầy nâu/lúa **100WP:** châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng

		Armada 50EC, 100EC, 100SL, 100WG, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100EC:** bọ trĩ/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100SL:** rệp sáp/cà phê **100WG:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Asimo 10WP	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10 WP, 70WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/lúa, rầy nâu/lúa **70WP:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Canon 100SL	bọ trĩ/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Confidor 050EC, 100 SL, 200SL, 200 OD, 700WG	**050EC:** rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ/lúa; rệp, rầy xanh/bông vải **100SL:** rệp sáp, rệp vảy/cà phê **200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều, rệp sáp/hồ tiêu **200OD:** rầy nâu/lúa; bọ trĩ/lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; rầy xanh, rệp muội/bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Conphai 10ME, 10WP, 15WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 15WP, 700WG:** rầy nâu/lúa **100SL:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Imida 10 WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/lúa **20SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Inmanda 100WP, 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC, 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiami 10SL	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8 SL	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Just 050EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Keyword 10SL	bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Kimidac 050EC	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Kola 600FS, 700WG	**600FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa **700WG:** bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Map - Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa; sâu xám/ngô; rầy xanh/bông vải	Map Pacific PTE Ltd

		Mega-mi 178 SL	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Mikhada 10WP, 20WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Miretox 2.5WP, 10EC, 10WP, 12EC, 250WP, 700WG	**2.5WP, 12EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **10EC, 10WP, 250WP, 700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Midan 10 WP	rầy xanh/bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/lúa; rệp vẩy/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP Nicotex
		Nomida 10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC, 700WG	**10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Phenodan 10 WP, 20 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Pysone 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Punto xtra 70WG	rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
		Saimida 100SL	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Sectox 50EC, 100EC, 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/lúa **50EC, 100EC, 200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Stun 20SL	rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lưới/hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	rầy nâu/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		T-email 10WP, 70WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **70WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; dòi đục lá/đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rệp sáp, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	**100SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50EC, 700WP	**50EC:** rầy nâu/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG, 700WP	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **100EC, 700WG, 700WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **100SL:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
725	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
726	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
727	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

		Xarid 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
728	Imidacloprid 3% (100g/kg), (150g/kg) + Isoprocarb 32% (450g/kg), (550g/kg)	Qshisuco 35WP, 550WP, 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
729	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
730	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Centertrixx 750 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
731	Imidacloprid 250g/kg (205g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 450g/kg (500g/kg)	Startcheck 750WP, 755WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
732	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
733	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
734	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
735	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Vitasupe 250EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
736	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/lạc, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
737	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xơ/mía, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American

738	Imidacloprid 150g/kg (150g/kg), (250g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg), (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG, 750WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
739	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
740	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
741	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
742	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
743	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
744	Imidaclorpid 10g/kg (50g/kg) + Thiosultap - sodium (Nereistoxin) 340g/kg (700g/kg)	Actadan 350WP, 750WP	**350WP:** sâu cuốn lá/lúa **750WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
745	Imidacloprid 1.7% (5%) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 38.3% (85%)	Zobin 40WP, 90WP	**40WP:** rầy nâu/lúa **90WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
746	Imidacloprid 2 % + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
747	Imidacloprid 4g/kg (190g/kg), (17g/kg), (25g/kg), (20g/kg) +	Vk. Dan 40GR, 290WP, 410WP, 850WP,	**40GR, 850WP:** sâu đục thân/lúa **290WP:** rầy nâu/lúa **410WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (100g/kg), (393g/kg), (825g/kg), (930g/kg)	950WP	**950WP:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	
748	Imidacloprid 5% (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70% (750g/kg)	Rep play 75WP, 800WP	**75WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa **800WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
749	Indoxacarb	Actatin 150SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
		Agfan 15SC	sâu cuốn lá/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Ameta 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/lúa **150EC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvatơ 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Blog 8SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV I TW

		Doxagan 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Indogold 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/đậu tương **300WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Newamate 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Supermate 150SC	sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Sunset 300WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Thamaten 150SC	sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Zazz 150SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nam Bắc
		Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
750	Indoxacarb 10% + Fipronil 5%	Isophos 15EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
751	Indoxacarb 120g/l + Fipronil 130g/l	Zentomax 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
752	Indoxacarb 345g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta

753	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
754	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
755	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
756	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
757	Isoprocarb	Mipcide 50WP	rầy xanh/bông vải, rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
758	Indoxacarb 150g/l + Lambda cyhalothrin 50g/l	Casino 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
759	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
760	Isoprocarb 400g/kg (400g/kg) + Thiacloprid 50g/kg (100g/kg)	Zorket 450WP, 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
761	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa NôngLúa Vàng
762	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

763	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
764	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/lạc; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Katera 50EC	sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K - T annong 2.5EC, 25EC, 25EW	**2.5EC:** sâu phao/lúa **25EC, 25EW:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K - Tee Super 2.5EC, 50EC	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa **50EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5EC	rệp/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5EC	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu róm/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn

765	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
766	Lambda -cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350EC	sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
767	Lambda-cyhalothrin 20g/l (50g/l) + Profenofos 150g/l (375g/l)	Gammalin super 170EC, 425EC	**170EC:** sâu xanh da láng/đậu tương; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê **425EC:** rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
768	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
769	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
770	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
771	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
772	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
773	Lambda-cyhalothrin 2g/l (15g/l), (2g/l), (50g/l) + Phoxim 283g/l (20g/l), (20g/l), (19.99g/l) + Profenofos 120g/l (450g/l), (66.88g/l), (30g/l)	Boxing 405EC, 485EC, 88.88EC, 99.99EW	**405EC:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa **485EC:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê **88.88EC:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **99.99EW:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

774	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l), (20g/kg) (30g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), (10g/kg), (350g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l), (300g/kg), (100g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC, 330WP, 480SC	**66.66EW:** sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC, 330WP, 480SC:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
775	Lufenuron (min 96%)	Lufenron 050EC	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương, sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Đồng Xanh
		Match® 050EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
776	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200g/l	Truemax 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
777	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	nhện đỏ/xoài, cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ phấn/đậu côve; rệp muội/quýt	Map Pacific Pte Ltd
778	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	sâu khoang/lạc, đậu côve; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1SL, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC, 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam

		Asin 0.5SL	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6 SL	sâu tơ/bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3 SL	**0.288EC:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa cúc, cam; dòi đục lá/đậu đũa; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; nhện đỏ/nho; sâu đục quả, ruồi đục lá/đậu đũa; ruồi hại lá/cây bó xôi; sâu khoang/lạc; sâu xanh/thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê; rầy xanh/xoài; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/vải; bọ xít/điều; sâu đục quả/chôm chôm; sâu tơ/bắp cải; thối quả/xoài; mốc xám/nho; sương mai/dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

		Plasma 3EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.36EC, 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.36SL, 0.5SL	**0.36SL:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/rau họ thập tự; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/đậu cove, lạc; bọ trĩ/dưa chuột; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng, rệp muội/thuốc lá; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/đậu tương; bọ nhảy/rau cải xanh; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít dài/lúa **0.5SL:** sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội /cải bẹ; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 5EC, 16EC	**5EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/cải xanh; sâu đục quả/đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá/đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/vải; sâu khoang, rệp/thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; sâu róm/thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ trĩ/điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			16EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	
779	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH An Nông
780	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
781	Metaflumizone (min 96%)	Lumizon 240SC	sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
782	*Metarhirium anisopliae*	Naxa 800DP	rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	rầy, bọ xít/lúa; bọ cánh cứng/dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
783	Methoxyfenozide (min 95%)	Masterole 24SC	sâu xanh da láng/bắp cải	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Prodigy 23 SC	sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu xanh da láng/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa	Dow AgroSciences B.V
784	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	rầy xanh/chè, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG, 10WG, 12.0WG	**1.9EC, 10WG, 12.0WG:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã

785	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
786	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC, 96EC	bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK_Epoxyco 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
787	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Charge 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Dyman 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
		Elsin 10EC, 20EC, 500SL, 600WP	**10EC:** rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp/đậu tương **20EC, 500SL:** rầy nâu/lúa **600WP:** rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Luckyram 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** bọ trĩ/điều, rầy nâu/lúa **500WP:** bọ xít muỗi/điều, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ω-ram 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
788	Nitenpyram 15% + Pymetrozine 20%	Nitop 35OD	rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương	Công ty Cổ phần Global Farm
789	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 60%	Osago 80WG	bọ phấn/sắn	Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	rệp muội/mía	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
790	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà	Công ty TNHH TM Tân Thành

791	Nitenpyram 30% + Pymetrozine 40%	Laroma 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
792	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
793	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
794	Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Ramsing 700WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Nisangold 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
795	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
796	Nitenpyram 300g/kg (500g/kg) + Pyriproxyfen (min 97%) 200g/kg (220g/kg)	Supercheck 500WP, 720WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
797	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
798	Nitenpyram 500g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
799	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
800	Oxymatrine	Vimatrine 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/rau cải ngọt; ruồi hại lá/cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/cà chua; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

801	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	sâu khoang/đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Asitrin 50EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC, 100EC, 250EC	**50EC:** mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **100EC:** bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **250EC:** bọ xít muỗi/điều, sâu khoang/lạc, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 10EC, 50EC	**10EC:** sâu phao/lúa **50EC:** sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	sâu xanh/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc, sâu phao/lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map - Permethrin 10EC, 50EC	**10EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu tương **50EC:** sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/đậu tương, sâu xanh da láng/lạc, rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Megarin 50EC	sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 10EC, 50EC	**10EC:** sâu ăn tạp/bông vải **50EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/đậu tương; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Lion Agrevo

		PER annong 100EC, 100EW, 500EC	**100EC:** bọ xít/lúa **100EW:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa **500EC:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục hoa/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 10EC, 50EC	**10EC:** bọ xít/lúa, sâu khoang/đậu tương, rệp vảy/cà phê **50EC:** sâu xanh/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50EC	sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu ăn tạp/bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
		Pounce 50EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Terin 50EC	bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10EC	sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 10EC, 50EC	**10EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/điều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa **50EC:** sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; dòi đục lá/đậu tương; sâu đục ngọn/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân/mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
802	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo

803	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
804	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	rệp muội, rệp sáp, nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	rầy xanh/chè; rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99EC	nhện đỏ/chè, cây có múi, nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/bưởi, nhện đỏ/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
805	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/thuốc lá; rệp/bông vải; sâu đục thân/mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 50EC, 60EC	**50EC:** bọ xít/lúa **60EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50EC	sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50EC	sâu đục thân/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50EC	sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
806	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35EC	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu keo/ngô, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
807	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50 WP	rệp muội/thuốc lá	Công ty CP Nicotex

		Ahoado 50WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
808	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (*Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/thuốc lá, sâu đục cuống quả/vải, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
809	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	bọ trĩ/lúa; rệp, sâu khoang/bông vải; rệp/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	sâu khoang/đậu xanh, sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Carina 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Nongiaphat 500EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Ronado 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
810	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

811	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
812	Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
813	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	nhện đỏ/hoa hồng, cam; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Comite(R) 73EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/lúa **570EW:** nhện gié/lúa; nhện đỏ/chè, cam, lạc, sắn	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd.
		Daisy 57EC	nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730EC	nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	nhện đỏ/chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73EC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
814	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
815	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
816	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	rệp sáp/cà phê	Sinon Corporation, Taiwan
817	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

		Chess® 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG, 75WG	**50WG:** rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê **75WG:** rệp muội/thuốc lá, bọ xít dài/lúa, rệp sáp/cà phê; bọ phấn/cà tím, bí xanh, cà pháo, bầu; bọ trĩ/hành, bí xanh, cà pháo, cà tím; rầy xanh/mướp, mồng tơi, bí xanh; rệp muội/đậu côve, đậu đũa; rầy xanh/bầu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hichespro 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty TNHH Phú Nông
		Jette 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 50WG, 70WP, 700WG, 750WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

		Newchestusa 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 50WG, 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ /lúa **100WP:** rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa **50WG:** bọ trĩ/dưa hấu, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sagometro 50WG	rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG, 750WG	**500WG:** rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa **750WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 500WG, 750WG	**500WG:** rầy nâu/lúa **750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
818	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
819	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
820	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
821	Pyrethrins	Bopy 14EC, 50EC	**14EC:** sâu tơ/bắp cải **50EC:** rệp muội/bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
		Mativex 1.5EW	rệp/bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0 CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex

822	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; bọ phấn/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
823	Pyridaben (min 95%)	Alfamite 15EC, 20WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bipimai 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ /hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/điều; rệp/bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Ongtrum 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tifany 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
824	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
825	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
826	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sunlar 110EC	sâu vẽ bùa/cam	Sundat (S) PTe Ltd
827	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông

828	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad (min 95%) 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** rầy nâu/lúa **600WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
829	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ngô, lúa **25EC:** rệp muội/thuốc lá, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê, sâu xanh/bông vải, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/lạc; sâu ăn tạp/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25EC	sâu phao/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; vòi voi đục nõn/điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 10EC, 25EC	**10EC:** rệp sáp/cà phê **25EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
830	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
831	Rotenone	Bin 10EC, 25EC	**10EC:** sâu tơ/bắp cải **25EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm

		Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5 WP	sâu tơ/rau, sâu xanh/đậu	Forward International Ltd
		Limater 7.5EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ớt; rệp sáp/bí xanh; nhện đỏ/bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/cam; bọ xít/nhãn; rệp/xoài; sâu đục quả/vải; rệp sáp/na; sâu ăn lá/cây hồng; sâu róm/ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50EC, 50WP	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/cà chua; dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông
		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc

		Vironone 2EC	sâu tơ/cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
832	Rotenone 5% (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC	tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
833	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/cải xanh **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
834	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
835	Saponin	Map lisa 230SL	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte. Ltd.
836	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/cà phê, xoài; rệp muội/nhãn, vải; rệp/đậu tương; bọ trĩ/dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Thành Phương
837	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nicotex
838	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant 60SC	sâu xanh da láng/hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ớt; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Dow AgroSciences B.V
		Thor 60SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

839	Spinosad (min 96.4%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng/hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/đậu tương; dòi đục quả/ổi; sâu đục quả/xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250EC, 250WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 100EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/cà chua; sâu xanh, rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 0.24CB, 25SC	**0.24CB:** ruồi đục quả/xoài, ổi **25SC:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; ruồi đục quả/ổi, xoài	Dow AgroSciences B.V
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/hành; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả, rệp muội/đậu đũa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/hành	Công ty CP Đồng Xanh
840	Spirodiclofen (min 98%)	Goldmite 240SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam

		Omega-Spidermite 24SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC	nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Long Hiệp
		Spiro 240SC	nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
841	Spirotetramat (min 96%)	Movento 150OD	rệp muội/bắp cải, vải; bọ trĩ/chè; rệp sáp/thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
842	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer 500WG	rầy nâu/lúa, rệp/bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải; bọ phấn trắng/lúa; rệp muội/ngô	Dow AgroSciences B.V
843	Sulfur	Bacca 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.
		Tramuluxjapane 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
844	Tebufenozide (min 99.6%)	Mimic ® 20 SC	sâu xanh da láng/thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
845	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98.9%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/lúa; bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
846	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240 SC	bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48 SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

		Hostox 480SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Koto 240 SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương;	Công ty TNHH Phú Nông
		Zukop 480SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
847	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/mía; bọ trĩ/điều; rệp/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **350SC:** bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 250WG, 300WG, 500SC, 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Hercule 25WG	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, sâu đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **350SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

		Ranaxa 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **355SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	rầy nâu/lúa; rệp muội, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
848	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu khoang/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
849	Triflumezopyrim (min 94%)	Dupont™ Pexena™ 106SC	rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Du pont Việt Nam
850	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (min 95%)	Acemo 180SL	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/lúa; sâu đục thân, rệp/ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân, rệp/mía; rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd

			95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/lúa; sâu xanh/đậu tương; rầy/bông vải; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/lúa **90WP:** sâu cuốn lá/lúa, rệp/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95 WP, 150 SL	**95WP:** sâu phao/lúa **150SL:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp bông xơ mía; rầy/bông vải; rệp/ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ngô; rầy/bông vải; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18 SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90 WP, 95WP	**90WP:** sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **95WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5GR, 18 SL, 29SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương **29SL:** sâu khoang/đậu xanh **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95 WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Shaling Shuang 500WP, 950WP	**500WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **950WP:** sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Sha Chong Jing 50WP, 90WP, 95WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 90WP, 95WP	**18SL, 90WP, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Taginon 18 SL, 95 WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 90WP, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/mía, lúa **90WP, 18SL:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu xanh/đậu xanh, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 25SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **25SL:** sâu cuốn lá lúa, bọ trĩ/điều **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 50WP, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/lúa **29SL:** bọ trĩ/lúa **50WP:** sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/lúa **95SP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18 SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

(Xem tiếp Công báo số 813 + 814)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng